TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HS-ST.
Ngày 30-01-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và bà Nguyễn Thị Phương.
- Thư ký phiên tòa*:* Bà Bùi Thị Thu Ngân - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 05/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 17/01/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm 1986 tại Hà Nam; nơi NKTT, chỗ ở: Thôn M, xã T, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân L và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/05/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 13 năm tù về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/10/2019; bị bắt, tạm giữ ngày 22/9/2023; tạm giam từ ngày 01/10/2023 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1978; trú tại: Tổ dân phố V, phường Y, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1983; trú tại: Tổ dân phố V, phường Y, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

(Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người phiên dịch của bị hại (phiên dịch cho người câm, điếc):*

1. Bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ B, phường T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Ông Đỗ Hoàng Thái A, sinh năm 1985; địa chỉ: P2 tập thể N, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; trú tại: Thôn M, xã T, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Chị Vũ Thị T, sinh năm 1985; trú tại: Thôn S, xã Đ, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thúy N, sinh năm 1983; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T là công nhân tại Công ty Cổ phần May xuất khẩu 277 Hà Nam (viết tắt Công ty 277), có địa chỉ tại tổ dân phố Bào Cừu, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý. Khoảng 13 giờ ngày 21/9/2023, T điều khiển xe môtô biển kiểm soát: 90B3-405.77 đến Công ty 277 làm việc. Khi dựng xe tại lán để xe của Công ty, T phát hiện thấy xe môtô biển kiểm soát: 28L1-119.90 của anh Trần Văn T là công nhân của Công ty 277 cạnh dưới bên trái cốp xe có dây của một chiếc ví thò ra bên ngoài. Quan sát thấy xung quanh không có người, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ví của anh T. T đi đến xe môtô của anh T dùng tay phải cầm vào dây ví thò ra bên ngoài rút chiếc ví ra thì thấy đó là một chiếc ví dạng ví nữ màu nâu, có khóa kéo. T giấu chiếc ví vào bên trong áo trước bụng rồi đi đến khu vực cầu thang cạnh văn phòng Công ty, T lấy chiếc ví ra mở khóa kéo thì nhìn thấy bên trong ví có các tờ tiền loại mệnh giá 500.000đồng, thẻ căn cước công dân và giấy đăng ký xe môtô của anh T. T lấy toàn bộ số tiền trong ví cất vào túi quần đang mặc rồi vứt chiếc ví cùng giấy tờ của anh T vào trong gầm cầu thang. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T rời khỏi Công ty 277 rồi lấy số tiền trộm cắp được của anh T ra đếm và xác định đó là 8.500.000đồng (đều là tiền pôlyme loại mệnh giá 500.000đồng). Sau khi phát hiện bị mất chiếc ví để trong cốp xe môtô, ngày 22/9/2023 anh Trần Văn T đến Công an phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý trình báo sự việc. Quá trình xác minh tin báo, Công an phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý đã triệu tập Nguyễn Minh T đến trụ sở để làm việc. Tại đây, T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của anh T tại Công ty 277 ngày 21/9/2023 và tự nguyện giao nộp lại số tiền 2.000.000đồng T sử dụng còn lại từ số tiền đã chiếm đoạt được của anh T.

Vật chứng, tài sản thu giữ của vụ án gồm:

- 01 chiếc ví giả da màu xám đen, khóa bằng kim loại, có viền khóa màu vàng nâu, kích thước: (17x11)cm.
- 01 xe môtô nhãn hiệu HONDA Wave màu xanh, đen, bạc, biển kiểm soát: 28L1-119.90, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 006606 do Công an huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 25/7/2017 cho xe môtô 28L1-119.90, chủ xe Vũ Thị T.
- 01 xe môtô nhãn hiệu HONDA Airblade, biển kiểm soát: 90B3-405.77.
- 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn T.
- Số tiền 2.000.000đồng Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 98/KL-HDĐGTS ngày 29/9/2023, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý kết luận: *"01(một) chiếc ví giả da màu xám đen, khóa bằng kim loại, viền khóa màu nâu kích thước (17x11)cm tại thời điểm tháng 09/2023 giá 20.000đồng"*.

Tại bản Kết luận giám định số 873/KL-KTHS ngày 20/12/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: "*Dấu vân tay trên bản sao y bản chính Danh, chỉ bản số 444 do Trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa lập ngày 27/12/2010 và dấu vân tay trong Danh, chỉ bản số 322 do Công an thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam lập ngày 01/10/2023 là của cùng một người*".

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-PL ngày 04/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố Nguyễn Minh T về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm không thay đổi, bổ sung về nội dung đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Minh T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự:

- Hình phạt chính: Xử phạt Nguyễn Minh T từ 18 tháng đến 24 tháng tù.
- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 01 triệu đồng đến 03 triệu đồng sung vào ngân sách Nhà nước.
- Xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ bị cáo) trình bày, xác nhận trong quá trình điều tra, Nguyễn Minh T đã có tác động đến gia đình để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả đã gây ra. Do đó bà đã bỏ ra số tiền 9.000.000đồng để bồi thường thiệt hại cho anh Trần Văn T. Bà xác định việc bà bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền mà bà đã bỏ ra bồi thường.
- Chị Vũ Thị T trình bày, xác nhận chiếc xe môtô biển kiểm soát: 28L1-119.90 và giấy chứng nhận đăng ký của xe là tài sản hợp pháp của chị với anh Trần Văn T trong thời kỳ hôn nhân, xe được đăng ký đứng tên chị. Tuy nhiên, do vợ chồng đã ly thân, anh T còn phải nuôi con chung nên chị đề nghị giao chiếc xe cho anh T trực tiếp quản lý, sử dụng.

Bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người phiên dịch cho bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa như biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; biên bản khám nghiệm hiện trường, tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu, niêm phong dữ liệu camera; sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh khai thác dữ liệu camera; bản kết luận định giá tài sản; đơn trình báo, lời khai của bị hại và người đại diện cho bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Để có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Minh T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của người khác, lén lút lấy trộm của anh Trần Văn T 01 ví da màu xám đen trị giá 20.000đồng, bên trong ví có số tiền 8.500.000đồng và các giấy tờ cá nhân khác để trong cốp xe môtô của anh T dựng tại lán để xe của Công ty may 277 Hà Nam (địa chỉ tại tổ dân phố Bào Cừu, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý). Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của anh T là 8.520.000đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Minh T đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo Nguyễn Minh T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

4.1. Về nhân thân: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhân thân xấu do đã từng bị kết án về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" (đã được xóa án tích).

4.2. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định của Bộ luật Hình sự.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đã thực hiện; quá trình điều tra đã có tác động gia đình để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả gây ra nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

5.1. Hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, không những đã xâm hại quyền sở hữu về tài sản của người yếu thế (người tàn tật, câm, điếc) trong xã hội mà còn gây mất an ninh trật tự khu vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tạo dư luận xấu. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm minh, tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm bị cáo đã thực hiện và nhân thân xấu của bị cáo mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành tuân thủ pháp luật, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm.

5.2. Hình phạt bổ sung: Do tội phạm bị cáo thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của người yếu thế trong xã hội nên việc áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo là cần thiết, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và hiệu quả công tác giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

6.1 Đối với số tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Trần Văn T, quá trình điều tra bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ bị cáo) đã bồi thường số tiền 9.000.000đồng cho bị hại. Anh Trần Văn T thông qua người đại diện hợp pháp của mình đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm về việc bồi thường thiệt hại nên trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bị hại trong vụ án không đặt ra xem xét.

6.2. Đối với bà Nguyễn Thị L đã tự nguyện bỏ ra số tiền 9.000.000đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, do bà L không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này nên trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng đã thu giữ:

7.1. Đối với chiếc xe môtô biển kiểm soát: 28L1-119.90 và giấy chứng nhận đăng ký của xe môtô, quá trình điều tra đã xác định là tài sản hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân của anh Trần Văn T và chị Vũ Thị T, xe được đăng ký đứng tên chị T. Tuy nhiên, do chị T xác định vợ chồng đã ly thân và đề nghị giao chiếc xe cho anh T quản lý, sử dụng nên trả lại số tài sản này cho anh T.

7.2. Đối với 01 căn cước công dân mang tên Trần Văn T và chiếc ví giả da là giấy tờ tùy thân và tài sản của anh T nên trả lại cho anh T.

7.3. Đối với chiếc xe môtô biển kiểm soát: 90B3-405.77, quá trình điều tra đã xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh T, không liên quan đến tội phạm trong vụ án nên trả lại cho bị cáo.

7.4. Đối với số tiền 2.000.000đồng thu giữ của bị cáo, đây là số tiền có nguồn gốc do bị cáo chiếm đoạt của anh Trần Văn T. Tuy nhiên, do gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại thay cho bị cáo và bị hại không có yêu cầu nào thêm về trách nhiệm dân sự nên xác định số tiền này là tài sản hợp pháp của bị cáo và trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, các Điều 35, 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, các Điều 329, 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

1.1. Xử phạt bị cáo 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/9/2023.

1.2. Phạt tiền bị cáo 5.000.000đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng:

2.1. Trả lại cho anh Trần Văn T 01 (*một*) xe môtô nhãn hiệu HONDA Wave màu xanh - đen - bạc, biển số: 28L1-119.90, số khung: 3900HY142948, số máy: JA39E0143005; 01 (*một*) chứng nhận đăng ký xe môtô số 006606 do Công an huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 25/7/2017 cho xe môtô biển số 28L1-119.90; 01 (*một*) thẻ căn cước công dân số 035078007004 cấp ngày 13/8/2021 mang tên Trần Văn T và 01 (*một*) chiếc ví giả da màu xám đen, khóa bằng kim loại, viền khóa màu vàng nâu kích thước: (17x11)cm.

2.2. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T 01 (*một*) xe môtô nhãn hiệu HONDA Airblade màu đen, biển số: 90B3-405.77, số máy: JF94E0329915, số khung: RLHJF6330MZ667972 và số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý ngày 09/01/2024 và Ủy nhiệm chi số 01 lập ngày 17/01/2024.

3. Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Phủ Lý;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Bị cáo Nguyễn Minh T;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thanh Sơn